

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định các hệ số để tính phụ cấp khu vực, quy định chuyển tiếp đối với các dự án đầu tư, công trình, hạng mục công trình xây dựng khi áp dụng Bộ đơn giá xây dựng công trình của tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

- Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
- Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;
- Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ Quyết định số 36/2006/QĐ-UBND ngày 09/8/2006 của UBND tỉnh, về việc ban hành Bộ đơn giá xây dựng công trình - Phần khảo sát xây dựng khu vực thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;
- Căn cứ Quyết định số 37/2006/QĐ-UBND ngày 09/8/2006 của UBND tỉnh, về việc ban hành Bộ đơn giá xây dựng công trình - Phần xây dựng, lắp đặt khu vực thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;
- Căn cứ Thông tư số 04/2005/TT-BXD ngày 01/4/2005 của Bộ Xây dựng, hướng dẫn về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ Thông tư số 16/2005/TT-BXD ngày 13/10/2005 của Bộ Xây dựng, hướng dẫn điều chỉnh dự toán chi phí xây dựng công trình;
- Căn cứ Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBDT ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ - Bộ Lao động Thương binh và xã hội - Bộ Tài chính - Ủy ban Dân tộc, hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực;
- Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 633/TTr-SXD ngày 02/10/2006,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

Quy định các hệ số H để tính phụ cấp khu vực vào chi phí công nhân trong đơn giá phần Khảo sát xây dựng, ban hành kèm theo Quyết định số 36/2006/QĐ-UBND ngày 09/8/2006 của UBND tỉnh như sau:

1. Đối với đơn giá số hóa bản đồ địa hình trong công tác đo vẽ chi tiết bản đồ trên cạn thì $H = 4,193$.

2. Đối với các đơn giá khảo sát còn lại thì $H = 3,544$.

3. Cột đơn giá được xác định theo công thức sau:

"Cột đơn giá" =

$$\left[\text{Cột vật liệu} + \text{Cột nhân công} \times 1,7 \times \left(1 + \frac{1}{H} \times F_1 \right) + \text{Cột máy} \right] \times 1,06$$

Trong đó :

+ F_1 : Phụ cấp khu vực theo Thông tư LT số 11/2005/TTLT-BLĐTBXH-BTC-UBDT ngày 05/01/2005 của liên tịch Bộ Nội vụ, Bộ LĐTB&XH, Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc.

+ H : Hệ số để tính khoản phụ cấp khu vực

Điều 2.

Quy định các hệ số H để tính phụ cấp khu vực vào chi phí công nhân trong đơn giá phần xây dựng, lắp đặt, ban hành kèm theo Quyết định số 37/2006/QĐ-UBND ngày 09/8/2006 của UBND tỉnh như sau:

1. Đối với nhóm I của công nhân xây dựng cơ bản thì $H = 3,132$

2. Đối với nhóm II của công nhân xây dựng cơ bản thì $H = 3,312$

3. Đối với nhóm III của công nhân xây dựng cơ bản thì $H = 3,631$

Công nhân xây dựng cơ bản nói trên được quy định tại Bảng lương A.1, Thang lương 7 bậc, được ban hành kèm theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong các công ty nhà nước;

4. Phụ lục kèm theo bảng tổng hợp dự toán chi phí xây dựng phần xây dựng, lắp đặt.

Điều 3.

Quy định chuyển tiếp đối với các dự án đầu tư, công trình, hạng mục công trình khi áp dụng Bộ đơn giá xây dựng công trình của tỉnh:

1. Những dự án đầu tư xây dựng đang lập hoặc đã lập nhưng chưa được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt thì tổng dự toán, dự toán công trình được lập theo Quyết định số 36/2006/QĐ-UBND ngày 09/8/2006 và Quyết định số 37/2006/QĐ-UBND ngày 09/8/2006 của UBND tỉnh, về đơn giá khảo sát xây dựng, đơn giá xây dựng và lắp đặt khu vực thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

2. Những công trình, hạng mục công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tổng dự toán, dự toán nhưng chưa hoặc đang tổ chức đấu thầu, chỉ định thầu thì chủ đầu tư điều chỉnh lại tổng dự toán, dự toán theo Quyết định số 36/2006/QĐ-UBND ngày 09/8/2006 và Quyết định số 37/2006/QĐ-UBND ngày 09/8/2006 của UBND tỉnh, về đơn giá khảo sát xây dựng, đơn giá xây dựng và

lắp đặt khu vực thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và thực hiện việc điều chỉnh theo quy định hiện hành;

3. Đối với các công trình, hạng mục công trình đã phê duyệt kết quả đấu thầu, thì không thực hiện điều chỉnh tổng dự toán, dự toán.

Đối với các công trình, hạng mục công trình đã phê duyệt kết quả đấu thầu (loại hợp đồng có điều chỉnh giá) thì được điều chỉnh tổng dự toán, dự toán công trình theo Quyết định số 36/2006/QĐ-UBND ngày 09/8/2006 và Quyết định số 37/2006/QĐ-UBND ngày 09/8/2006 của UBND tỉnh, về đơn giá khảo sát xây dựng, đơn giá xây dựng và lắp đặt khu vực thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, kể từ ngày 19/8/2006;

4. Đối với các công trình, hạng mục công trình thực hiện theo hình thức chỉ định thầu, Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn giám sát, thiết kế, nhà thầu xây dựng, kiểm kê khối lượng xây lắp thực hiện kể từ ngày 19/8/2006 trở đi, để làm cơ sở điều chỉnh tổng dự toán, dự toán và thanh quyết toán công trình.

Điều 4.

Giám đốc Sở Xây dựng chủ trì và phối hợp với các Sở, ngành có liên, quan tổ chức thực hiện, kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện Quyết định này với UBND tỉnh.

Điều 5.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- Như điều 5;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Bộ Xây dựng (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (b/c);
- Vụ pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo tỉnh;
- Sở Tư pháp; Báo Đắk Lắk;
- Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh;
- Lưu VT-NL-TH-TM-VX-NC,CN(CH-220)
(QĐ HD t/h Bộ Đơn giá XD 2006)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lữ Ngọc Cư

BẢNG TỔNG HỢP
DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG PHẦN XÂY DỰNG, LẮP ĐẶT
 (Kèm theo Quyết định số: 42 /2006/QĐ-UBND ngày 12/tháng 10 năm 2006
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Số TT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Kết quả Ký hiệu
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP		
1	Chi phí vật liệu	$vl_1 + vl_2$	VL
1.1	Theo đơn giá xây dựng công trình 2006 (chưa có VAT)		vl_1
1.2	Bù giá vật liệu XD đến hiện trường XL		vl_2
2	Chi phí nhân công	$nc_1 + nc_2$	NC
2.1	Đơn giá nhân công trong đơn giá 2006	NC trong đơn giá	nc_1
2.2	Các khoản phụ cấp (khu vực) tính theo mức lương tối thiểu	$F_1 / H \times nc_1$	nc_2
3	Chi phí máy thi công	m_1	M
3.1	Theo đơn giá xây dựng công trình 2006	Theo ĐG XDCT	m_1
4	Trực tiếp phí khác	$1,5\% \times (VL + NC + M)$	TT
	Cộng chi phí trực tiếp	$VL + NC + M + TT$	T
II	CHI PHÍ CHUNG	$P \times T$	C
	GIÁ THÀNH DỰ TOÁN XÂY DỰNG	$T + C$	Z
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	$(T + C) \times \text{tỷ lệ quy định}$	TL
	Giá trị dự toán xây dựng trước thuế	$(T + C + TL)$	G
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	$G \times T_{GTGT}^{XD}$	GTGT
	Giá trị dự toán xây dựng sau thuế	$G + GTGT$	G_{XDCPT}
	Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công	$G \times \text{tỷ lệ quy định} \times (1 + T_{GTGT}^{XD})$	G_{XDLT}
V	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	Theo quy định hiện hành	QLDA
VI	CHI PHÍ KHÁC	Theo quy định hiện hành	CPK
VII	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	Theo quy định hiện hành	DP

Trong đó : P - Định mức chi phí chung (%) ; TL - Thu nhập chịu thuế tính trước (%)

H - Hệ số để tính các khoản phụ cấp theo lương

F_1 - Phụ cấp khu vực theo Thông tư LT số 11/2005/TTLT-BLĐTBXH-BTC-UBND ngày 05/01/2005 của liên tịch Bộ Nội vụ, Bộ LĐTB&XH, Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc hướng dẫn mức phụ cấp khu vực của các địa phương, đơn vị .

T_{GTGT}^{XD} - Mức thuế suất giá trị gia tăng quy định cho công tác xây dựng.